

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/DS-ST.

Ngày: 05/5/2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**.

2/ Ông **Trương Hoàng Hoa**.

-Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B (B).**

Trụ sở: Phường N, Quận X, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức B1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B2 – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Tiền Giang.

Địa chỉ: Đường M1, Phường N1, thành phố Y, tỉnh Tiền Giang.

Người được ủy quyền lại: Anh **Phan Dương Ngọc D**, sinh năm 1986 – Phó Giám đốc phụ trách phòng giao dịch huyện Y. (có mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 50, Khu M2, thị trấn Y, huyện Y, Tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Bà **Phạm Thị E**, sinh năm 1961. (có mặt)

2/ Anh **Trần Minh G**, sinh năm 1983. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M3, xã N3, huyện Y, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B (B) trình bày:***

Ngày 11/11/2013, bà Phạm Thị E và con trai là anh Trần Minh G có ký hợp đồng tín dụng số T.A.0469,13/HĐTD vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Tiền Giang (nay là Ngân hàng B chi nhánh Tiền Giang) với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay để sửa nhà với mức lãi suất là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Nợ gốc và lãi vay trả 03 tháng 01 lần vào ngày 05 tây, bắt đầu từ ngày 05/02/2014.

Để đảm bảo cho số tiền vay 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số T.A.0469,13/HĐTD, bà E và anh G đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0469,13/HĐTC ngày 11/11/2013 để thế chấp các tài sản gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 540,1 m² thuộc thửa O từ bản đồ số P tọa lạc ấp M3, xã N3, huyện Y tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH20065 ngày 26/7/2013 cho bà Phạm Thị E.

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 583,6 m² thuộc thửa O1 từ bản đồ số P tọa lạc ấp M3, xã N3, huyện Y, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH21013 ngày 12/9/2013 cho bà Phạm Thị E.

Các tài sản thế chấp trên được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chợ Gạo.

Trong quá trình vay, bà E, anh G không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo cam kết tại hợp đồng tín dụng. Ngân hàng nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở và tạo điều kiện thuận lợi để bà E, anh G thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay Ngân hàng vẫn chưa thu hồi hết các khoản nợ. Tính đến ngày 14/3/2021, bà E, anh G còn nợ ngân hàng B số tiền 38.908.200 đồng, trong đó nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi là 12.754.647 đồng, lãi phạt là 2.653.553 đồng.

Ngân hàng TMCP B yêu cầu anh Trần Minh G và bà Phạm Thị E phải trả lại số tiền còn nợ là 38.908.200 đồng, trong đó nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi là 12.754.647 đồng, lãi phạt là 2.653.553 đồng và toàn bộ lãi, phí phạt phát sinh trên

số dư nợ gốc kể từ thời điểm đã chốt số liệu nêu trên cho đến khi bà Phạm Thị E và anh Trần Minh G thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với ngân hàng.

Trường hợp anh Trần Minh G và bà Phạm Thị E không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của bà E, anh G đối với ngân hàng.

****Bị đơn Phạm Thị E trình bày:***

Vào tháng 11/2013 tôi và con trai là Trần Minh G có vay tiền của Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu long, nay là ngân hàng B với số tiền 50.000.000 đồng, vay trong thời hạn là 60 tháng, mục đích vay để sửa chữa nhà.

Để đảm bảo cho khoản vay, chúng tôi có thể chấp cho ngân hàng các tài sản:

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 540,1 m² thuộc thửa O tờ bản đồ số P tọa lạc ấp M3, xã N3, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH20065 ngày 26/7/2013 cho bà Phạm Thị E.

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 583,6 m² thuộc thửa O1 tờ bản đồ số P tọa lạc ấp M3, xã N3, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH21013 ngày 12/9/2013 cho bà Phạm Thị E.

Trong quá trình thanh toán nợ cho ngân hàng do hoàn cảnh khó khăn nên không thực hiện trả nợ đầy đủ cho ngân hàng. Tôi đồng ý tính đến ngày 14/3/2021 tôi và G còn nợ ngân hàng số tiền 38.908.200 đồng, trong đó nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi là 12.754.647 đồng, lãi phạt là 2.653.553 đồng. Nay tôi cũng đồng ý cùng G trả cho ngân hàng số tiền chúng tôi còn nợ, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tôi không đồng ý việc ngân hàng yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp để thanh toán nợ, việc chậm thanh toán của tôi là do hoàn cảnh khó khăn, gia đình có tang sự, dịch bệnh, không có việc làm nên mới khó khăn trong việc trả nợ cho ngân hàng.

****Bị đơn Trần Minh G trình bày:***

Vào tháng 11/2013 tôi và mẹ là Phạm Thị E có vay tiền của Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu long, nay là ngân hàng B với số tiền 50.000.000 đồng, vay trong thời hạn là 60 tháng, mục đích vay để sửa chữa nhà.

Để đảm bảo cho khoản vay, chúng tôi có thể chấp cho ngân hàng các tài sản:

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 540,1 m² thuộc thửa O tờ bản đồ số P tọa lạc ấp M3, xã N3, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Chợ

Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH20065 ngày 26/7/2013 cho bà Phạm Thị E.

- Giá trị quyền sử dụng đất có tổng diện tích 583,6 m² thuộc thửa O1 tờ bản đồ số P tọa lạc ấp M3, xã N3, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH21013 ngày 12/9/2013 cho bà Phạm Thị E.

Trong quá trình thanh toán nợ cho ngân hàng do hoàn cảnh khó khăn nên không thực hiện trả nợ đầy đủ cho ngân hàng. Tôi đồng ý tính đến ngày 14/3/2021 tôi và bà E còn nợ ngân hàng số tiền 38.908.200 đồng, trong đó nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi là 12.754.647 đồng, lãi phạt là 2.653.553 đồng. Nay tôi cũng đồng ý cùng bà E trả cho ngân hàng số tiền chúng tôi còn nợ, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tôi không đồng ý việc ngân hàng yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp để thanh toán nợ, việc chậm thanh toán của tôi là do hoàn cảnh khó khăn, gia đình có tang sự nên mới khó khăn trong việc trả nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về pháp luật tố tụng*: Bị đơn là bà Phạm Thị E và anh Trần Minh G cư trú tại ấp M3, xã N3, huyện Chợ Gạo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Giữa Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu long nay là Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam và bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G có giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Đại diện ủy quyền của Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam trình bày vào ngày 11/11/2013, bà Phạm Thị E và con trai là anh Trần Minh G có ký hợp đồng tín dụng số T.A.0469,13/HĐTD vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay để sửa nhà với mức lãi suất là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Nợ gốc và lãi vay trả 03 tháng 01 lần vào ngày 05 tây, bắt đầu từ ngày 05/02/2014. Quá trình vay, bà E, anh G không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo cam kết tại hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 14/3/2021, bà E, anh G còn nợ ngân hàng B số tiền 38.908.200 đồng, trong đó nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi là 12.754.647 đồng, lãi phạt là 2.653.553 đồng. Ngân hàng TMCP B yêu cầu anh Trần Minh G

và bà Phạm Thị E phải trả lại số tiền còn nợ là 38.908.200 đồng, trong đó nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi là 12.754.647 đồng, lãi phạt là 2.653.553 đồng và toàn bộ lãi, phí phạt phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ thời điểm đã chốt số liệu nêu trên cho đến khi bà Phạm Thị E và anh Trần Minh G thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với ngân hàng.

Bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G thừa nhận có vay của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 50.000.000 đồng thông qua hợp đồng tín dụng số T.A.0469,13/HĐTD. Trong quá trình thanh toán nợ cho ngân hàng do hoàn cảnh khó khăn nên không thực hiện trả nợ đầy đủ cho ngân hàng. Bà E, anh G thừa nhận tính đến ngày 14/3/2021 còn nợ ngân hàng số tiền 38.908.200 đồng, trong đó nợ gốc là 23.500.000 đồng, nợ lãi là 12.754.647 đồng, lãi phạt là 2.653.553 đồng, đồng ý trả cho ngân hàng số tiền còn nợ, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý xử lý tài sản đã thế chấp tại ngân hàng.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Xét thấy, việc bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng về việc thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận theo nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam buộc bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G phải trả số tiền 39.486.475 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 23.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 13.140.830 đồng và lãi phạt là 2.845.645 đồng (tính đến hết ngày 04/5/2021 theo Thông báo số 52/TB-B-PGDCG ngày 05/5/2021), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời được xử lý đối với tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà E, anh G đối với ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/20P/UBTVQH14 ngày 30/12/20P của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/20P/UBTVQH14 ngày 30/12/20P của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam. Buộc bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G trả cho Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 39.486.475 đồng (Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng), (trong đó tiền nợ gốc là 23.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 13.140.830 đồng và lãi phạt là 2.845.645 đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G chậm trả tiền thì bà E, anh G còn phải trả lãi theo lãi suất và phát mãi tài sản thế chấp được quy định theo nội dung Hợp đồng tín dụng và thế chấp số hồ sơ là T.A.0469,13/HĐTD được ký kết giữa Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long nay là Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam với bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.Án phí:

- Bà Phạm Thị E, anh Trần Minh G phải chịu 1.974.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam được hoàn lại 913.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004314 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt